

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Giáo trình TƯƠNG ƯNG BỘ – SAṂYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 15.5.2021

TỪ CHUYỆN LIÊU TRAI ĐẾN ĐẠO GIẢI THOÁT
Kinh Samiddhi (Samiddhisuttam)
CHƯƠNG I. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN, PHẨM VƯỜN HOAN HỠ (S.i,8)

Đây là bài kinh tương đối dài trong Tương Ưng Bộ. Câu chuyện đằng sau bài kinh lại dài hơn. Tôn giả Samiddhi là một tỳ kheo có thân tướng khả ái, uy nghi cốt cách. Điều lạ lùng là một nữ địa tiên cũng sanh tâm ái luyến với vị tôn giả này. Tiên nữ ấy đã hiện ra và khuyên Tôn giả nên trở về với đời sống hưởng thụ dục lạc còn chuyện tu hành nên hạ hồi phân giải. (Không có đoạn nào trong Sớ giải nói rõ nếu trong trường hợp Tôn giả hoàn tục sống đời cư sĩ thì người thuộc hai cảnh giới sống với nhau thế nào như những chuyện liêu trai thời xưa). Tôn giả Samiddhi trả lời bằng thái độ khẳng định chỉ hướng tu hành và nêu lên những trọng tâm của Phật Pháp trong đời sống tu hành mà Đức Phật đã dạy. Tiên nữ nghe xong thấy khó lãnh hội liền xin giải thích. Tôn giả vốn không phải là vị giỏi thuyết pháp nên khuyên hãy đến gặp Đức Thế Tôn thỉnh giáo. Tiên nữ nhờ Tôn giả hỏi giúp. Cuối cùng thì Đức Phật cũng đã trả lời một cách cô đọng về hai cái nhìn đối với thực tại. Thực tại ở đây là năm uẩn. Cái nhìn của phàm phu y cứ trên những gì được nói lại sanh ngã chấp: tôi thấy (thức uẩn), tôi hành động (hành uẩn)... Trong cái nhìn của bậc thánh thì khác hơn: thấy biết chỉ là thấy biết chứ không có ai thấy biết. Không chấp ngã thì không có mạn tùy miên được hiểu là sự so sánh là ngang bằng, thua kém, vượt trội giữa ta và người. Có mạn chấp thì có tranh chấp, có hệ lụy khổ đau. Bậc thánh không còn bị giao động bởi kiến chấp nhân ngã, bĩ thử thì an lạc, đoạn tận khổ ưu. Sau cùng tiên nữ chứng sơ quả (tu đà hườn) và nói lên sự hiểu biết đối với con đườn trung đạo mà Đức Phật truyền dạy.



Kinh Văn

Evam me sutam :

1) Như vậy tôi nghe.

ekam samayaṃ Bhagavā rājagahe viharati tapodārāme.

Một thời Thế Tôn ở Vương Xá tại Tapodārāma (Tịnh xá Suối nước nóng).

Atha kho āyasmā samiddhi rattiyā paccūsasamayam paccuṭṭhāya yena tapodā tenupasaṅkami gattāni parisiṅcituṃ. Tapode gattāni parisiṅcivā paccuttarivā ekacīvaro aṭṭhāsi gattāni pubbāpayamāno.

2) Tôn giả Samiddhi, khi đêm đã gần tàn, thức dậy và đi đến suối nước nóng để tắm rửa tay chân. Sau khi tắm rửa tay chân, ra khỏi suối nước nóng, Tôn giả đứng, đắp một tấm y để phơi tay chân cho khô.

Atha kho aññatarā devatā abhikkantāya rattiyā abhikkantavaṇṇā kevalakappam tapodam obhāsetvā yena āyasmā samiddhi tenupasaṅkami upasaṅkamivā vehāsam ʈhitā āyasmantaṃ samiddhiṃ gāthāya ajjhabhāsi :

3) Rồi một vị Thiên, khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng suối nước nóng, đi đến Tôn giả Samiddhi, sau khi đến, đứng giữa hư không, nói lên bài kệ với Tôn giả Samiddhi:

(Samiddhi):

***"Abhutvā bhikkhasi bhikkhu,
Không hưởng, Ông khát thực,***

***"Kālam voham na jānāmi,
Thời Ông, ta không biết.***

***na hi bhutvāna bhikkhasi.
Nay khát thực, không hưởng,***

***channo kālo na dissati.
Thời ta, ản không hiện.***

***Bhutvāna bhikkhu bhikkhassu,
Hãy hưởng rồi khát thực,***

***Tasmā abhutvā bhikkhāmi,
Không hưởng, ta khát thực,***

***mā taṃ kālo upaccagāti..
Chớ uống phí thời gian.***

***mā maṃ kālo upaccagāti..
Không uống thời gian ta.***

Bản hiệu đính

Bản hiệu đính

***Không hưởng thụ, mà tu,
Tu rồi, không hưởng được.
Hãy hưởng thụ rồi tu,
Không phí kiếp làm người.***

***Thời gian (của thọ mạng),
Là ản số khó thấy.
Không hưởng thụ, ta tu,
Nào uống phí thời gian.***

Atha kho sā devatā pathaviyaṃ [paṭhaviyaṃ (sī. syā. kaṃ. pī.)] patiṭṭhahitvā āyasmantaṃ samiddhiṃ etadavoca :

4) Rồi vị Thiên ấy đứng xuống đất và thưa với Tôn giả Samiddhi:

"daharo tvam bhikkhu, pabbajito susu kālakeso, bhadrena yobbanena samannāgato, paṭhamena vayasā, anikkīlitāvī kāmesu. Bhuñja, bhikkhu, mānusaḥ kāmā sandiṭṭhikaṃ hitvā kālikaṃ anudhāvīti. "Na khvāhaṃ, āvuso, sandiṭṭhikaṃ hitvā kālikaṃ anudhāvāmi.

-- Nay Ty-kheo, Ông còn trẻ tuổi mà đã xuất gia, niên thiếu, tóc còn đen nhánh trong tuổi thanh xuân. Trong thời trẻ thơ của tuổi đời, Ông không thọ hưởng các ái dục. Nay Ty-kheo, hãy thọ hưởng các ái dục của người đời. Chớ có bỏ hiện tại mà chạy theo những gì bị thời gian chi phối.

Kālikañca khvāhaṃ, āvuso, hitvā sandiṭṭhikaṃ anudhāvāmi. Kālikā hi, āvuso, kāmā vuttā bhagavatā bahudukkhā bahupāyāsā ādīnava ettha bhiyyo. Sandiṭṭhiko ayaṃ dhammo akāliko ehipassiko opaneyyiko paccattaṃ veditabbo viññūhīti

5) -- Nay Hiền giả, ta không bỏ hiện tại và chạy theo những gì bị thời gian chi phối. Và nay Hiền giả, chính ta bỏ những gì bị thời gian chi phối để chạy theo hiện tại. Nay Hiền giả, Thế Tôn đã nói, các dục bị thời gian chi phối, nhiều khổ đau, nhiều phiền não (Upāyāsā); nguy hiểm ở đây càng nhiều hơn. Còn pháp này thuộc về hiện tại, không bị thời gian chi phối, đến để mà thấy, có khả năng hưởng thượng, chỉ người trí mới tự mình giác hiểu.

"Kathañca, bhikkhu, kālikā kāmā vuttā bhagavatā bahudukkhā bahupāyāsā, ādīnava ettha bhiyyo? kathaṃ sandiṭṭhiko ayaṃ dhammo akāliko ehipassiko opaneyyiko paccattaṃ veditabbo viññūhīti?

6) -- Và nay Ty-kheo, như thế nào mà Thế Tôn đã nói các dục bị thời gian chi phối, nhiều khổ đau, nhiều phiền não, nguy hiểm ở đây càng nhiều hơn? Như thế nào thuộc về hiện tại là pháp này, không bị thời gian chi phối, đến để mà thấy, có khả năng hưởng thượng, chỉ người trí mới tự mình giác hiểu?

"ahaṃ kho, āvuso, navo acirapabbajito adhunāgato imaṃ dhammavinayaṃ. Na tāhaṃ [na khvāhaṃ (sī. pī.)] sakkomi vitthārena ācikkhituṃ. Ayaṃ so Bhagavā arahaṃ sammāsambuddho rājagahe viharati tapodārāme. Taṃ bhagavantaṃ upasaṅkamitvā etamatthaṃ puccha.

7) -- Nay Hiền giả, tôi là người mới xuất gia, mới đến đây không bao lâu. Tôi không thể giải thích rộng rãi cho Ông pháp và luật này. Nhưng Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nay ở Rājagaha (Vương Xá) tại tịnh xá Tapoda (Suối nước nóng). Hãy đi đến Thế Tôn và hỏi ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời cho Ông như thế nào, hãy như vậy thọ trì.

Yathā te Bhagavā byākaroti tathā naṃ dhāreyyāsīti. "Na kho, bhikkhu, sukaro so Bhagavā amhehi upasaṅkamituṃ , aññāhi mahesakkhāhi devatāhi parivuto. Sace kho tvam, bhikkhu, taṃ bhagavantam upasaṅkamitvā etamattham puccheyyāsi, mayampi āgaccheyyāma dhammassavanāyāti.

8) -- Nay Tỳ-kheo, không dễ gì cho chúng tôi được đến gặp bậc Thế Tôn ấy, một bậc được chư Thiên khác, có đại uy lực đoanh vây. Nay Tỳ-Kheo, nếu Ngài đi đến bậc Thế Tôn ấy và hỏi ý nghĩa này, chúng tôi có thể đến để nghe pháp.

"Evamāvusoti kho āyasmā samiddhi tassā devatāya paṭissutvā yena Bhagavā tenupasaṅkami upasaṅkamitvā bhagavantam abhivādetvā ekamantaṃ nisīdi. Ekamantaṃ nisinno kho āyasmā samiddhi bhagavantam etadavoca :

9) -- Thừa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Samiddhi vâng đáp vị Thiên ấy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Samiddhi bạch Thế Tôn:

(Đoạn tiếp theo là lời thuật của Tôn giả Samiddhi về tất cả câu chuyện giữa tiên nữ và Tôn giả như trên. Để bài phần đọc chánh kinh không mất thì giờ nên lược bớt không lập lại)

Sace, bhante, tassā devatāya saccaṃ vacanaṃ, idheva sā devatā avidūreti.

-- Bạch Thế Tôn, nếu vị Thiên ấy nói sự thật, thời vị ấy ở đây, không xa bao nhiêu.

Evam vutte, sā devatā āyasmantaṃ samiddhiṃ etadavoca :

17) Khi được nói vậy, vị Thiên ấy nói với Tôn giả Samiddhi như sau:

"puccha, bhikkhu, puccha, bhikkhu, yamahaṃ anuppattāti.

-- Hãy hỏi đi, Tỳ-kheo! Hãy hỏi đi, Tỳ-kheo! Tôi đã đến rồi.

Atha kho Bhagavā taṃ devataṃ gāthāhi ajjhabhāsi :

18) Rồi Thế Tôn nói lên bài kệ với vị Thiên ấy:

***"Akkheyyasaññino sattā,
akkheyyasmiṃ patitṭhitā.
Akkheyyaṃ apariññāya,
yogamāyanti maccuno..***

***"Akkheyyaṅca pariññāya,
akkhātāraṃ na maññati.
Tañhi tassa na hotīti,
yena naṃ vajjā na tassa atthi.
Sace vijānāsi vadehi yakkhīti***

*Chúng sanh được hiểu biết,
Những điều được nói lên,
Và chấp trước thái độ,
Trên những điều được nói.
Nếu họ không liễu tri
Những điều được nói lên,
Họ đi đến trời buộc.
Do thần chết chi phối,
Nếu họ liễu tri được
Những điều được nói lên,
Họ không có tướng tri,*

*Những điều được nói ra.
Đối với vị như vậy,
Lỗi lầm nhất định không.
Nếu các Ông có biết,
Hãy nói lên Dạ-xoa.*

Bản hiệu đính

*Chúng sanh (đối năm uẩn)
Nhận thức điều được nói
Chấp trước điều được nói
Không liễu tri điều được nói
Bị tử thần cột trói*

*Ai thật sự liễu ngộ
Chỉ có điều được nói
Chứ không người được nói
Với vị đó không có
Cái ngã được nói tới
Nếu người lãnh hội được
Hãy nói lên, Dạ xoa!*

***"Na khvāhaṃ, bhante, imassa bhagavatā saṅkhittena bhāsitassa vitthārena atthaṃ
ājānāmi. Sādhū me, bhante, Bhagavā tathā bhāsatu yathāhaṃ imassa bhagavatā
saṅkhittena bhāsitassa vitthārena atthaṃ jāneyanti.***

19) -- Bạch Thế Tôn, con không có hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi những điều Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt. Lành thay, nếu Thế Tôn nói lên cho con để con có thể hiểu một cách rộng rãi những điều Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt.

20) (Thế Tôn):

**"Samo vivesī uda vā nihīno,
Yo maññatī so vivadetha [sopi vadetha
(ka.)] tena.**

**Tīsu vidhāsu avikampamāno,
Samo vivesīti na tassa hoti.
Sace vijānāsi vadehi yakkhāti..**

Bằng, thắng hay thua Ta,
Nghĩ vậy đấu tranh khởi;
Cả ba không dao động,
Bằng, thắng không khởi lên.

Nếu như Ông có biết,
Hãy nói lên, Dạ xoa.

Bản hiệu đính

Ngang, bằng, hoặc thua ta
Nghĩ vậy khiến tranh chấp
Không động bởi so sánh
Không chấp bằng hoặc hơn
Nếu người lãnh hội được
Hãy nói lên, Dạ xoa!

**"Imassāpi khvāhaṃ, bhante, bhagavatā saṅkhittena bhāsitassa na vitthārena atthaṃ
ājānāmi. Sādhū me, bhante, Bhagavā tathā bhāsatu yathāhaṃ imassa bhagavatā
saṅkhittena bhāsitassa vitthārena atthaṃ jāneyyanti.**

21) -- Bạch Thế Tôn, con không có hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi những điều Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt. Lành thay, nếu Thế Tôn nói lên cho con để con có thể hiểu một cách rộng rãi những điều Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt.

22) (Thế Tôn):

**"Pahāsi saṅkhaṃ na vimānamajjhagā,
acchecchi taṇhaṃ idha nāmarūpe.**

**Taṃ chinnaganthaṃ anighaṃ
nirāsaṃ,**

pariyesaṃ nājjhagamuṃ.

Devā manussā idha vā huraṃ vā,

saggesu vā sabbanivesanesu.

Sace vijānāsi vadehi yakkhāti..

Hãy từ bỏ tính toán,
Không chạy theo hư tướng,
Từ bỏ mọi tham ái,
Đối danh sắc ở đời,
Vị ấy đoạn triền phược,
Không lo âu, không ái.
Chư Thiên và loài Người,
Đời này hay đời sau,
Ở cảnh giới chư Thiên,
Hay tại mọi trú xứ,

Tìm cầu nhưng không gặp,
Vết tích của vị ấy.

Nếu Ông biết người ấy
Hãy nói lên, Dạ-xoa.

Bản hiệu đính

Đừng suy tính hơn thua
Chớ chạy theo mạn chấp
Không tham đắm danh sắc
Sống đoạn tận tham ưu
Cắt đứt mọi trói trăn
Trời, người không thể tìm
Vết tích bậc như vậy
Đời này hoặc đời sau
Thiên giới hay cõi nào
Nếu người lãnh hội được
Hãy nói lên, Dạ xoa!

"Imassa khvāhaṃ, bhante, bhagavatā saṅkhittena bhāsitassa evaṃ vitthārena atthaṃ ājānāmi :

23) -- Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt của Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa rộng rãi như sau:

*"Pāpaṃ na kayirā vacasā manasā,
Kāyena vā kiñcana sabbaloke.
Kāme pahāya satimā sampajāno,
Dukkhaṃ na sevetha
anattasaṃhitanti..*

*Khắp thế giới chớ làm,
Điều ác thân, miệng, ý,
Từ bỏ mọi ái dục,
Chánh niệm, tâm tỉnh giác,
Không khổ hạnh ép xác,*

Vô bổ, không lợi ích.

Bản hiệu đính

*Không làm các điều ác
Bằng thân, khẩu, hay ý
Dù bất cứ nơi nào
Với chánh niệm, tỉnh giác
Không lợi dưỡng dục lạc
Hoặc khổ hạnh hành xác*



Bhikkhati: hạnh khát thực; lối tu hành của khát sĩ không mưu sinh bằng nghề nghiệp như người đời. Từ chữ này có chữ bhikkhu (tỳ khưu). Trong kinh Tứ Niệm Xứ Đức Phật dùng chữ bhikkhu chỉ chung cho tất cả người tu hành. Trong ngữ cảnh của bài kinh này nên hiểu bhikkhati là tu hành thay vì đi khát thực

Bhutvā: (từ động từ bhuñjati) sau khi ăn, trong ngữ cảnh bài kinh này có nghĩa là hưởng thụ dục lạc.

Kāla: thời gian, (kiếp người)

Upaccagā: để trôi qua, (phí phạm)

Akkheyya: biểu đạt, nói lên, minh họa

Akkheyyasaññina: nhận thức điều được nói, tương tri sự biểu đạt

patitṭhita: thiết lập (ở đây chỉ cho sự chấp thủ dựa trên cái được nói)

apariññāya: không liễu tri

yogamāyanti: bị kèm kẹp bởi gông cùm (ách)

maccuno: tử thân

pariññāya: liễu ngộ, thấu triệt

akkhātar: người làm

maññati: tưởng tượng, suy diễn

Sama: ngang bằng

visesī: vượt trội

nihīna: thua kém

vivadetha: tranh luận, cãi vã

yakkha: dạ xoa (phiên âm), quỷ thần, tiếng gọi những phi nhơn có uy lực (thí dụ Thiên chủ Đế Thích cũng có thể gọi là dạ xoa)

(bài kinh còn nhiều từ vựng cần chú thích nhưng nếu ghi đầy đủ sẽ quá dài. Rất nhiều từ cần hiểu theo ngữ cảnh và trọn câu. Người nghiên cứu cần rất cẩn thận)



Thích nghĩa

**“abhutvā bhikkhasi bhikkhu, na hi bhutvāna bhikkhasi.
bhutvāna bhikkhu bhikkhassu, mā taṃ kālo upaccagā”ti.**

Không hưởng thụ, mà tu
Tu rồi, không hưởng được
Hãy hưởng thụ rồi tu
Không phí kiếp làm người

Câu này hàm ý vị tiên nữ khuyên Tôn giả Samiddhi hãy trở về đời sống hưởng thụ dục lạc còn chuyên tu hành để sau này sẽ không uổng phí kiếp người.

**“kālaṃ vohaṃ na jānāmi, channo kālo na dissati.
tasmā abhutvā bhikkhāmi, mā maṃ kālo upaccagā”ti.**

Thời gian (của thọ mạng)
Là ẩn số khó lường
Không hưởng thụ, ta tu
thời gian nào uổng phí

Tôn giả Samiddhi trả lời là không biết được sống chết khi nào nên quyết tu chứ không hưởng thụ dục lạc. Làm như vậy không thể gọi là uổng phí thời gian.

**"Akkheyyasaññino sattā, akkheyyasmim patitṭhitā.
Akkheyyaṃ apariññāya, yogamāyanti maccuno..
"Akkheyyaṅca pariññāya, akkhātāraṃ na maññati.
Tañhi tassa na hotīti, yena naṃ vajjā na tassa atthi.
Sace vijānāsi vadehi yakkhīti**

Chúng sanh (đôi năm uẩn)
Nhận thức điều được nói
Chấp trước điều được nói
Không liễu tri thực tướng
Bị tử thần cột trói

Ai thật sự liễu ngộ
Chỉ có điều được nói
Chứ không người được nói
Với vị đó không có
Cái ngã được nói tới
Nếu người lãnh hội được
Hãy nói lên, Dạ xoa!

Đức Phật trong kệ ngôn này dạy rằng đối với những gì được biết tới trong đời sống tức năm uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức thì chúng sanh từ đó nhận thức, từ đó chấp thủ là tôi, ta vì không nhận rõ thực tướng vô thường biến dịch. Các bậc thật sự liễu ngộ thì chỉ thấy “điều được nói chứ không có ai nói”, “chỉ có hành động chứ không có người hành động”

**"Samo vivesī uda vā nihīno,
Yo maññatī so vivadetha tena.
Tīsu vidhāsu avikampamāno,
Samo vivesīti na tassa hoti.
Sace vijānāsi vadehi yakkhāti..**

Hơn, bằng, hoặc thua ta
Nghĩ vậy khiến tranh chấp
Không động bởi so sánh
Không chấp bằng hoặc hơn
Nếu người lãnh hội được
Hãy nói lên, Dạ xoa!

Do thỉnh cầu Đức Phật dạy thêm: chính do mạn chấp hơn ta, bằng ta, thua ta tạo nên những tranh chấp, va chạm trong đời. Không có so sánh nhân ngã bỉ thử thì không giao động.

**"Pahāsi saṅkhaṃ na vimānamajjhagā, acchecchi taṇhaṃ idha nāmarūpe.
Taṃ chinnaganthaṃ anighaṃ nirāsaṃ, pariyesamānā nājjhagamuṃ.
Devā manussā idha vā huraṃ vā, saggesu vā sabbanivesanesu.
Sace vijānāsi vadehi yakkhāti..**

Đừng suy tính hơn thua
Chớ chạy theo mạn chấp
Không tham đắm danh sắc
Sống đoạn tận tham ưu
Cắt đứt mọi trói trăn
Trời, người không thể tìm
Vết tích bậc như vậy
Đời này hoặc đời sau
Thiên giới hay cõi nào
Nếu người lãnh hội được
Hãy nói lên, Dạ xoa!

Bậc Đại Giác cũng dạy thêm về đạo giải thoát. Không toan tính hơn thua; không tham đắm cả hai phương diện danh và sắc; sống đoạn tận tham ưu với đoạn tận tất cả trói buộc. Đó là hình ảnh một bậc hoàn toàn giải thoát đến đi giữa đời này không để lại dấu vết.

**"Pāpaṃ na kayirā vacasā manasā,
Kāyena vā kiñcana sabbaloke.
Kāme pahāya satimā sampajāno,
Dukkhaṃ na sevetha anattasaṃhitanti..**

Không làm các điều ác
Bằng thân, khẩu, hay ý
Dù bất cứ nơi nào
Với chánh niệm, tỉnh giác
Không lợi dưỡng dục lạc
Hoặc khổ hạnh hành xác

Tiên nữ sau khi nghe pháp đã lãnh hội chứng đắc sơ quả. Do lời Phật dạy đã nói lên sự hiểu biết chánh pháp của mình: đó là con đường chánh niệm tỉnh giác không làm bất cứ ác quấy nào bằng thân, ngữ, ý. Đó cũng là “trung đạo” Đức Phật đã dạy vốn không nằm trong hai cực đoan lợi dưỡng và khổ hạnh.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Biên soạn Giáo trình: Tỳ kheo Giác Đăng*

-ooOoo-

10. Samiddhisuttam [Mūla]

20. Evaṃ me sutam : ekaṃ samayaṃ **Bhagavā** rājagahe viharati tapodārāme. Atha kho āyasmā samiddhi rattiyā paccūsasamayaṃ paccuṭṭhāya yena tapodā tenupasaṅkami gattāni parisiñcituṃ. Tapode gattāni parisiñcivā paccuttarivā ekacīvaro aṭṭhāsi gattāni pubbāpayamāno. Atha kho aññatarā devatā abhikkantāya rattiyā abhikkantavaṇṇā kevalakappaṃ tapodaṃ obhāsetvā yena āyasmā samiddhi tenupasaṅkami upasaṅkamtivā vehāsaṃ t̥hitā āyasmantaṃ samiddhiṃ gāthāya ajjhabhāsi :

"Abhuvā bhikkhasi bhikkhu, na hi bhuvāna bhikkhasi.

Bhuvāna bhikkhu bhikkhassu, mā taṃ kālo upaccagāti..

"Kālaṃ vohaṃ na jānāmi, channo kālo na dissati.

Tasmā abhuvā bhikkhāmi, mā maṃ kālo upaccagāti.. Atha kho sā devatā pathaviyaṃ [paṭhaviyaṃ (sī. syā. kaṃ. pī.)] patitṭhahitvā āyasmantaṃ samiddhiṃ etadavoca : "daharo tvam bhikkhu, pabbajito susu kāḷakeso, bhadrana yobbanena samannāgato, paṭhamena vayasā, anikkīlitāvī kāmesu. Bhuñja, bhikkhu, mānusaṃ kāme mā sanditṭhikaṃ hitvā kālikaṃ anudhāvīti. "Na khvāhaṃ, āvuso, sanditṭhikaṃ hitvā kālikaṃ anudhāvāmi. Kālikañca khvāhaṃ, āvuso, hitvā sanditṭhikaṃ anudhāvāmi. Kālikā hi, āvuso, kāmā vuttā bhagavatā bahudukkhā bahupāyāsā ādīnavo ettha bhiyyo. Sanditṭhiko ayaṃ dhammo akāliko ehipassiko opaneyyiko paccattaṃ veditabbo viññūhīti. "Kathañca, bhikkhu, kālikā kāmā vuttā bhagavatā bahudukkhā bahupāyāsā, ādīnavo ettha bhiyyo? kathaṃ sanditṭhiko ayaṃ dhammo akāliko ehipassiko opaneyyiko paccattaṃ veditabbo viññūhīti? "ahaṃ kho, āvuso, navo acirapabbajito adhunāgato imaṃ dhammavinayaṃ. Na tāhaṃ [na khvāhaṃ (sī. pī.)] sakkomi vitthārena ācikkhituṃ. Ayaṃ so **Bhagavā** arahaṃ sammāsambuddho rājagahe viharati tapodārāme. Taṃ bhagavantaṃ upasaṅkamtivā etamatthaṃ puccha. Yathā te **Bhagavā** byākaroti tathā naṃ dhāreyyāsīti. "Na kho, bhikkhu, sukaro so **Bhagavā** amhehi upasaṅkamtuṃ , aññāhi mahesakkhāhi devatāhi parivuto. Sace kho tvam, bhikkhu, taṃ bhagavantaṃ upasaṅkamtivā etamatthaṃ puccheyyāsi, mayampi āgaccheyyāma dhammassavanāyāti. "Evamāvusoti kho āyasmā samiddhi tassā devatāya paṭissutvā yena **Bhagavā** tenupasaṅkami upasaṅkamtivā bhagavantaṃ abhivādetvā ekamantaṃ nisīdi. Ekamantaṃ nisinna kho āyasmā samiddhi bhagavantaṃ etadavoca : "idhāhaṃ , bhante, rattiyā paccūsasamayaṃ paccuṭṭhāya yena tapodā tenupasaṅkamtuṃ gattāni parisiñcituṃ. Tapode gattāni parisiñcivā paccuttarivā ekacīvaro aṭṭhāsiṃ gattāni pubbāpayamāno. Atha kho, bhante, aññatarā devatā abhikkantāya rattiyā abhikkantavaṇṇā kevalakappaṃ tapodaṃ obhāsetvā yenāhaṃ tenupasaṅkami upasaṅkamtivā vehāsaṃ t̥hitā imāya gāthāya ajjhabhāsi :

"Abhuvā bhikkhasi bhikkhu, na hi bhuvāna bhikkhasi.

Bhuvāna bhikkhu bhikkhassu, mā taṃ kālo upaccagāti.. "Evaṃ vutte ahaṃ, bhante, taṃ devataṃ gāthāya paccabhāsiṃ :

"Kālaṃ vohaṃ na jānāmi, channo kālo na dissati.

Tasmā abhuvā bhikkhāmi, mā maṃ kālo upaccagāti.. "Atha kho, bhante, sā devatā pathaviyaṃ patitṭhahitvā maṃ etadavoca : 'daharo tvam, bhikkhu, pabbajito susu

kāḷakeso, bhadrēna yobbanēna samannāgato, paṭhamēna vayasā, anikkīlitāvī kāmesu. Bhuñja, bhikkhu, mānusakē kāme mā sandiṭṭhikaṃ hitvā kālikaṃ anudhāvīti. "Evaṃ vuttāhaṃ, bhante, taṃ devataṃ etadavocaṃ : 'na khvāhaṃ, āvuso, sandiṭṭhikaṃ hitvā kālikaṃ anudhāvāmi kālikañca khvāhaṃ, āvuso, hitvā sandiṭṭhikaṃ anudhāvāmi. Kālikā hi, āvuso, kāmā vuttā bhagavatā bahudukkhā bahupāyāsā ādīnava ettha bhiyyo. Sandiṭṭhiko ayaṃ dhammo akāliko ehipassiko opaneyyiko paccattaṃ veditabbo viññūhīti. "Evaṃ vutte, bhante, sā devatā maṃ etadavoca : 'kathañca, bhikkhu, kālikā kāmā vuttā bhagavatā bahudukkhā bahupāyāsā ādīnava ettha bhiyyo? kathaṃ sandiṭṭhiko ayaṃ dhammo akāliko ehipassiko opaneyyiko paccattaṃ veditabbo viññūhīti? evaṃ vuttāhaṃ, bhante, taṃ devataṃ etadavocaṃ : 'ahaṃ kho, āvuso, navo acirapabbajito adhunāgato imaṃ dhammavinayaṃ, na tāhaṃ sakkomi vitthārena ācikkhituṃ. Ayaṃ so **Bhagavā** arahaṃ sammāsambuddho rājagahe viharati tapodārāme. Taṃ bhagavantaṃ upasaṅkamitvā etamatthaṃ puccha. Yathā te **Bhagavā** byākaroti tathā naṃ dhāreyyāsīti. "Evaṃ vutte, bhante, sā devatā maṃ etadavoca : 'na kho, bhikkhu, sukaro so **Bhagavā** amhehi upasaṅkamituṃ, aññāhi mahesakkhāhi devatāhi parivuto. Sace kho, tvaṃ bhikkhu, taṃ bhagavantaṃ upasaṅkamitvā etamatthaṃ puccheyyāsī, mayampi āgaccheyyāma dhammassavanāyāti. Sace, bhante, tassā devatāya saccaṃ vacanaṃ, idheva sā devatā avidūreti. Evaṃ vutte, sā devatā āyasmantaṃ samiddhiṃ etadavoca : "puccha, bhikkhu, puccha, bhikkhu, yamaṃ anupattāti. Atha kho **Bhagavā** taṃ devataṃ gāthāhi ajjhabhāsi :

"Akkheyyasaññino sattā, akkheyyasmim patitṭhitā.

Akkheyyaṃ apariññāya, yogamāyanti maccuno..

"Akkheyyañca pariññāya, akkhātāraṃ na maññati.

Tañhi tassa na hotīti, yena naṃ vajjā na tassa atthi.

Sace vijānāsi vadehi yakkhāti [yakkhīti (pī. ka.)]. "Na khvāhaṃ, bhante, imassa bhagavatā saṅkhittena bhāsītassa vitthārena atthaṃ ājānāmi. Sādhu me, bhante, **Bhagavā** tathā bhāsatu yathāhaṃ imassa bhagavatā saṅkhittena bhāsītassa vitthārena atthaṃ jāneyyanti.

"Samo vīsē uda vā [athavā (sī. pī.)] nihīno,

Yo maññatī so vivadetha [sopi vadetha (ka.)] tena.

Tīsu vidhāsu avikampamāno,

Samo vīsēti na tassa hoti.

Sace vijānāsi vadehi yakkhāti.. "Imassāpi khvāhaṃ, bhante, bhagavatā saṅkhittena bhāsītassa na vitthārena atthaṃ ājānāmi. Sādhu me, bhante, **Bhagavā** tathā bhāsatu yathāhaṃ imassa bhagavatā saṅkhittena bhāsītassa vitthārena atthaṃ jāneyyanti.

"Pahāsi saṅkhaṃ na vimānamajjhagā, acchecchi [acchejji (syā. ka. ka.)] taṇhaṃ idha nāmarūpe.

Taṃ chinnaganthaṃ anighaṃ nirāsaṃ, pariyesamānā nājjhagamuṃ.

Devā manussā idha vā huraṃ vā, saggesu vā sabbanivesanesu.

Sace vijānāsi vadehi yakkhāti.. "Imassa khvāhaṃ, bhante, bhagavatā saṅkhittena bhāsītassa evaṃ vitthārena atthaṃ ājānāmi :

"Pāpaṃ na kayirā vacasā manasā,

Kāyena vā kiñcana sabbaloke.

Kāme pahāya satimā sampajāno,
Dukkhaṃ na sevetha anattasaṃhitanti..
Nandanavaggo dutiyo.
Tassuddānaṃ :
Nandanā nandati ceva, natthiputtasamena ca.
Khattiyo saṇamāno ca, niddātandī ca dukkaraṃ.
Hirī kuṭikā navamo, dasamo vutto samiddhināti..

10. Samiddhisuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

20. Dasame **tapodārāmeti** tapodassa tattodakassa rahadassa vasena evaṃ laddhanāme ārāme. Vebhārapabbatassa kira heṭṭhā bhummatṭhakanāgānaṃ pañcayojanasatikāṃ nāgabhavanāṃ devalokasadisaṃ mañimayena talena ārāmuyyānehi ca samannāgataṃ. Tattha nāgānaṃ kīḷanattṭhāne mahāudakarahado, tato tapodā nāma nadī sandati kuthitā uṇhodakā. Kasmā panesā edisā? Rājagahaṃ kira parivāretvā mahāpetaloko tiṭṭhati, tattha dvinnaṃ mahālohakumbhinirayānaṃ antarena ayaṃ tapodā āgacchati, tasmā kuthitā sandati. Vuttampi cetāṃ –

“Yatāyaṃ, bhikkhave, tapodā sandati, so daho acchodako sītodako sātodako setodako suppatittho ramaṇīyo pahūtamacchakacchapo, cakkamattāni ca padumāni pupphanti. Apicāyaṃ, bhikkhave, tapodā dvinnaṃ mahānirayānaṃ antarikāya āgacchati, tenāyaṃ tapodā kuthitā sandati”ti (pārā. 231).

Imassa pana ārāmassa abhimukhaṭṭhāne tato mahāudakarahado jāto, tassa vasenāyaṃ vihāro “tapodārāmo”ti vuccati.

Samiddhīti tassa kira therassa attabhāvo samiddho abhirūpo pāsādiko, tasmā “samiddhī”tveva saṅkhaṃ gato. **Gattāni parisiñcitunti** padhānikatthero esa, balavapaccūse utṭhāyāsanaṃ sarīraṃ utuṃ gāhāpetvā bahi satṭhihatthamate mahācaṅkame aparāparaṃ caṅkamitvā “sedagahitehi gatthehi paribhuñjamānaṃ senāsanāṃ kilissati”ti maññamāno gattāni parisiñcanatthaṃ sarīradhovanatthaṃ upasaṅkami. **Ekacīvaro aṭṭhāsīti** nivāsanāṃ nivāsetvā kāyabandhanaṃ bandhitvā cīvaraṃ hatthena gahetvā aṭṭhāsī.

Gattāni pubbāpayamānoti gattāni pubbasadisāni vodakāni kurumāno. Allasarīre pārutaṃ hi cīvaraṃ kilissati duggandhaṃ hoti, na cetāṃ vattaṃ. Thero pana vattasampanno, tasmā vatte ṭhitova nhāyitvā paccuttaritvā aṭṭhāsī. Tattha idaṃ nhānavattaṃ – udakatitthaṃ gantvā yattha katthaci cīvarāni nikkhipitvā vegena ṭhitakeneva na otaritabbaṃ, sabbadisā pana oloketvā vivittabhāvaṃ ñatvā khāṇugumbalatādīni vavatthapetvā tikkhattuṃ ukkāsitvā avakujja ṭhitena uttarāsaṅgacīvaraṃ apanetvā pasāretabbaṃ, kāyabandhanaṃ mocetvā cīvarapitṭheyaṃ ṭhapetabbaṃ. Sace udakasāṭikā natthi, udakante ukkuṭikaṃ nisīditvā nivāsanāṃ mocetvā sace sinnaṭṭhānaṃ atthi, pasāretabbaṃ. No ce atthi, saṃharitvā ṭhapetabbaṃ. Udaṃ otarantena saṅkhaṃ nābhippamāṇamattaṃ otaritvā vīciṃ anuṭṭhāpentena saddaṃ akarontena nivattitvā āgatadisābhimukhena nimujjitabbaṃ, evaṃ cīvaraṃ rakkhitaṃ hoti. Ummujjantenapi saddaṃ akarontena saṅkhaṃ ummujjitvā nhānapariyosāne udakante ukkuṭikena nisīditvā nivāsanāṃ parikkhipitvā utṭhāya suparimaṇḍalaṃ nivāsetvā kāyabandhanaṃ bandhitvā cīvaraṃ apārupitvāva ṭhātabbanti.

Thero pi tathā nhāyitvā paccuttaritvā vigacchamānaudakaṃ kāyaṃ olokayamāno aṭṭhāsī. Tassa pakatiyāpi pāsādikassa paccūsasamaye sammā pariṇatāhārassa uṇhodakena nhātassa ativiya mukhavaṇṇo viroci, bandhanā pavuttatālapalaṃ viya pabhāsampanno puṇṇacando viya taṅkhaṇavikasitapadumaṃ viya mukhaṃ sassirikaṃ ahoṣi, sarīravaṇṇopi vippasīdi. Tasmim samaye vanasaṇḍe adhivatthā bhummadevatā

pāsādikam bhikkhum olokayamānā samanam niggahetum asakkontī kāmāparilāhābhībūtā hutvā, “theram palobhessāmi”ti attabhāvaṃ ulārena alaṅkārena alaṅkaritvā saḥassavattīpadīpam pajjalamānā viya candam utthāpayamānā viya sakalārāmaṃ ekobhāsaṃ katvā theram upasaṅkamtivā avanditvāva vehāse t̥hitā gātham abhāsi. Tena vuttam – “atha kho aññatarā devatā...pe... ajjhabhāsī”ti.

Abhutvāti pañca kāmāguṇe aparibhuñjitvā. **Bhikkhasīti** piṇḍāya carasi. **Mā taṃ kālo upaccagāti** ettha kālo nāma pañcakāmāguṇapaṭisevanakkhamo daharayobbanakālo. Jarājīṇṇena hi obhaggena daṇḍaparāyaṇena pavedhamānena kāsasāsābhībūtēna na sakkā kāme paribhuñjitum. Iti imaṃ kalam sandhāya devatā “mā taṃ kālo upaccagā”ti āha. Tattha **mā upaccagāti** mā atikkami.

Kālam voham na jānāmīti ettha voti nipātamattam. **Kālam na jānāmīti** maraṇakālam sandhāya vadati. Sattānañhi –

“Jīvitam byādhi kālo ca, dehanikkhepanam gati;

Pañcete jīvalokasmiṃ, animittā na nāyare”.

Tattha **jīvitam** tāva “ettakameva, na ito para”nti vavatthānābhāvato animittam. Kalalakālepi hi sattā maranti, abbuda-pesi-ghana-aḍḍhamāsa-ekamāsa-dvemāsa-temāsa-catumāsapañcamāsa...pe... dasamāsakālepi, kucchito nikkhantasamayepi, tato param vassasatassa antopi bahipi marantiyeva. **Byādhipi** “imināva byādhinā sattā maranti, na aññenā”ti vavatthānābhāvato animitto. Cakkhurogenapi hi sattā maranti sotarogādīnam aññatārenapi. **Kālopi**, “imasmiṃ yeva kāle maritabbam, na aññasmi”nti evam vavatthānābhāvato animitto. Pubbaṇhepi hi sattā maranti majjhanhikādīnam aññatarasmimpi. **Dehanikkhepanampi**, “idheva mīyamānānam dehena patitabbam, na aññatthā”ti evam vavatthānābhāvato animittam. Antogāme jātānañhi bahigāmepe attabhāvo patati, bahigāmepe jātānam antogāmepe. Tathā thalajānam jale, jalajānam thaleti anekappakārato vitthāretabbam. **Gatipi**, “ito cutena idha nibbattitabba”nti evam vavatthānābhāvato animittā. Devalokato hi cutā manussesupi nibbantanti, manussalokato cutā devalokādīnam yattha katthaci nibbantantīti evam yante yuttagoṇo viya gatipaṅcake loko samparivattati. Tassevam samparivattato “imasmiṃ nāma kāle maraṇam bhavissatī”ti imaṃ maraṇassa kalam voham na jānāmi.

Channo kālo na dissatīti ayam kālo mayham paṭicchanno avibhūto na paññāyati. **Tasmāti** yasmā ayam kālo paṭicchanno na paññāyati, tasmā pañca kāmāguṇe abhutvāva bhikkhāmi. **Mā maṃ kālo upaccagāti** ettha samaṇadhammakaraṇakālam sandhāya “kālo”ti āha. Ayañhi samaṇadhammo nāma pacchime kāle tisso vayosīmā atikkantena obhaggena daṇḍaparāyaṇena pavedhamānena kāsasāsābhībūtēna na sakkā katum. Tadā hi na sakkā hoti icchicchitam buddhavacanam vā gaṇhitum, dhutaṅgam vā paribhuñjitum, araññavāsam vā vasitum, icchicchitakkhaṇe samāpattim vā samāpajjitum, padabhāṇa-sarabhaññadhammakathā-anumodanādīni vā katum, taruṇayobbanakāle panetaṃ sabbaṃ sakkā kātunti ayam samaṇadhammakaraṇassa kālo mā maṃ upaccagā, yāva maṃ nātikkamati, tāva kāme abhutvāva samaṇadhammam karomīti āha.

Pathaviyam paṭiṭṭhahitvāti sā kira devatā – “ayam bhikkhu samaṇadhammakaraṇassa kalam nāma katheti, akalam nāma katheti, sahetukam katheti sānisamsa”nti ettāvatāva there lajjam paccupatthāpetvā mahābrahman viya

aggikkhandham viya ca nam maññamānā gāravajātā ākāsā oruyha pathaviyaṃ aṭṭhāsi, taṃ sandhāyetam vuttam. Kiñcāpi pathaviyaṃ ṭhitā, yena panatthena āgatā, punapi tameva gahetvā **daharo tvantiādīmāha**. Tattha **susūti** taruṇo. **Kāḷakesoti** suṭṭhu kāḷakeso. **Bhadrenāti** bhaddakena. Ekacco hi daharopi samāno kāṇo vā hoti kuṇiādīnaṃ vā aññataro, so bhadrana yobbanena samannāgato nāma na hoti. Yo pana abhirūpo hoti dassanīyo pāsādiko sabbasampattisampanno, yaṃ yadeva alaṅkāraparihāraṃ icchati, tena tena alaṅkato devaputto viya carati, yaṃ bhadrana yobbanena samannāgato nāma hoti. Thero ca uttamarūpasampanno, tena nam evamāha.

Anikkilītavī kamesūti kamesu akilītakīlo abhuttāvī, akatakāmakīloti attho. **Mā sandiṭṭhikaṃ hitvāti** yebhuyyena hi tā adiṭṭhasaccā avītarāgā aparacittavidūniyo devatā bhikkhū dasapi vassāni vīsatimpi...pe... satṭhimpī vassāni parisuddham akhaṇḍam brahmacariyaṃ caramāne disvā – “ime bhikkhū mānusake pañca kāmagaṇe pahāya dibbe kāme patthayantā samaṇadhammaṃ karontī” ti saññaṃ uppādentī, ayampi tattheva uppādesī. Tasmā mānusake kāme sandiṭṭhike, dibbe ca kālike katvā evamāha.

Na kho ahaṃ, āvusoti, āvuso, ahaṃ sandiṭṭhike kāme hitvā kālike kāme na anudhāvāmi na patthemī na pihemī. **Kalikañca kho ahaṃ, āvusoti** ahaṃ kho, āvuso, kālikaṃ kāmam hitvā sandiṭṭhikaṃ lokuttaradhammaṃ anudhāvāmi. Iti thero cittānantaram aladdhabbatāya dibbepī mānusakepi pañca kāmagaṇe **kālikāti** akāsi, cittānantaram laddhabbatāya lokuttaradhammaṃ **sandiṭṭhikanti**. Pañcakāmaguṇesu samohitesupi sampannakāmassāpi kāmīno cittānantaram icchiticchitārammaṇānubhavanaṃ na sampajjati. Cakkhuvāre itṭhārammaṇam anubhavitukāmena hi citta-kārapotthakārārūpakārādayo pakkosāpetvā, “idaṃ nāma sajjethā” ti vattabbaṃ hoti. Etthantare anekakoṭṭisatasahasāni cittāni uppajjitvā nirujjhanti. Atha pacchā taṃ ārammaṇam sampāpuṇāti. Sesadvāresupi eseva nayo. Sotāpattimaggānantaram pana sotāpattiphalaṃ eva uppajjati, antarā aññassa cittassa vāro natthi. Sesaphalesupi eseva nayoti.

So tamevatthaṃ gahetvā **kālikā hi, āvusoti**ādīmāha. Tattha **kālikāti** vuttanayena samohitasampattināpi kālantare pattabbā. **Bahudukkhāti** pañca kāmagaṇe nissāya pattabbadukkhassa bahutāya bahudukkhā. Taṃvatthukasappa upāyāsassa bahutāya **bahupāyāsā**. **Ādīnavo ettha bhiyyoti** pañca kāmagaṇe nissāya laddhabbasukhato ādīnavo bhiyyo, dukkhameva bahutaranti attho. **Sandiṭṭhiko ayaṃ dhammoti** ayaṃ lokuttaradhammo yena yena adhigato hoti, tena tena parasaddhāya gantabbataṃ hitvā paccavekkhaṇāññāna sayam daṭṭhabboti **sandiṭṭhiko**. Attano phaladānaṃ sandhāya nāssa kāloti akālo, akāloyeva **akāliko**. Yo ettha ariyamaggadhammo, so attano pavattisamanantaram eva phalaṃ detīti attho. “Ehi passa imaṃ dhamma” nti evaṃ pavattaṃ ehipassavidhiṃ arahatīti **ehipassiko**. Ādittam celam vā sīsam vā ajjupekkhitvāpi bhāvanāvasena attano citte upanayaṃ arahatīti **opaneyyiko**. Sabbehi ugghaṭṭitaññūādīhi viññūhi “bhāvito me maggo, adhigataṃ phalaṃ, sacchikato nirodho” ti attani attani veditabboti **paccattam veditabbo viññūhīti**. Ayamettha saṅkhepo, vitthāro pana **visuddhimage** (visuddhi. 1.146 ādayo) dhammānussativāṇṇāyaṃ vutto.

Idāni sā devatā andho viya rūpavisesam therena kathitassa atthe ajānantī **kathañca bhikkhūti**ādīmāha. Tattha **kathañcātipadassa** “kathañca bhikkhu kālikā kāmā vuttā

bhagavatā, katham bahudukkhā, katham bahupāyāsā’ ti? Evaṃ sabbapadehi sambandho veditabbo.

Navoti aparipuṇṇapañcavasso hi bhikkhu navo nāma hoti, pañcavassato paṭṭhāya majjhimo, dasavassato paṭṭhāya thero. Aparo nayo – aparipuṇṇadasavasso navo, dasavassato paṭṭhāya majjhimo, vīsativassato paṭṭhāya thero. Tesam ahaṃ navoti vadati.

Navopi ekacco sattatṭhavassakāle pabbajitvā dvādasaterasavassāni sāmaṇerabhāveneva atikkanto cirapabbajito hoti, ahaṃ pana acirapabbajitoti vadati. **Imaṃ dhammavinayanti** imaṃ dhammañca vinayañca. Ubhayampetaṃ sāsanasseva nāmaṃ. Dhammena hettha dve piṭakāni vuttāni, vinayena vinayapiṭakaṃ, iti tīhi piṭakehi pakāsitaṃ paṭipattiṃ adhunā āgatomhīti vadati.

Mahesakkhāhīti mahāparivārāhi. Ekekassa hi devaraṅño koṭisatampi koṭisahassampi parivāro hoti, te attānaṃ mahante ṭhāne ṭhapetvā tathāgataṃ passanti. Tattha amhādisānaṃ appesakkhānaṃ mātugāmajātikānaṃ kuto okāsoti dasseti.

Mayampi āgaccheyyāmāti idaṃ sā devatā “sacepi cakkavālaṃ pūretvā parisā nisinnā hoti, mahatiyā buddhavīthiyā satthu santikaṃ gantuṃ labhatī” ti ñatvā āha.

Puccha bhikkhu, puccha bhikkhūti thirakaraṇavasena āmeditaṃ kataṃ.

Akkheyyasaññinoti ettha “devo, manusso, gahaṭṭho, pabbajito, satto, puggalo, tisso, phusso” tiādinaṃ nayena akkheyyato sabbesaṃ akkhānānaṃ sabbāsaṃ kathānaṃ vatthubhūtaṃ pañcakkhandhā “akkheyyā” ti vuccanti. “Satto naro poso puggalo itthī puriso” ti evaṃ saññā etesaṃ atthīti saññino, akkheyyesveva saññinoti **akkheyyasaññino**, pañcasu khandhesu sattaṃpuggalādisaññinoti attho. **Akkheyyasmimṃ patiṭṭhitāti** pañcasu khandhesu atṭhahākārehi patiṭṭhitā. Ratto hi rāgavasena patiṭṭhito hoti, duṭṭho dosavasena, mūlho mohavasena, parāmatṭho ditṭhivasena, thāmagato anusayavasena, vinibaddho mānavasena, anitṭhaṅgato vicikicchāvasena, vikkhepagato uddhaccavasena patiṭṭhito hoti. **Akkheyyaṃ apariññāyāti** pañcakkhandhe tīhi pariññāhi aparijānitvā. **Yogamāyanti maccunoti** maccuno yogaṃ payogaṃ pakkhepaṃ upakkhepaṃ upakkamaṃ abbhantaraṃ āgacchanti, maraṇavasam gacchantīti attho. Evamimāya gāthāya kālikā kāmā kathitā.

Pariññāyāti ñātapariññā, tīraṇapariññā, pahānapariññāti imāhi tīhi pariññāhi parijānitvā. Tattha katamā **ñātapariññā**? Pañcakkhandhe parijānāti – “ayaṃ rūpakkhando, ayaṃ vedanākkhando, ayaṃ saññākkhando, ayaṃ saṅkhārakkhando, ayaṃ viññāṇakkhando, imāni tesam lakkhaṇarasapaccupaṭṭhānapadaṭṭhānāni” ti, ayaṃ ñātapariññā. Katamā **tīraṇapariññā**? Evaṃ ñātaṃ katvā pañcakkhandhe tīreti aniccato dukkhato rogatoti dvācattālīsāya ākārehi. Ayaṃ tīraṇapariññā. Katamā **pahānapariññā**? Evaṃ tīrayitvā aggamaḡgena pañcasu khandhesu chandarāgaṃ pajahati. Ayaṃ pahānapariññā.

Akkhātāraṃ na maññatīti evaṃ tīhi pariññāhi pañcakkhandhe parijānitvā khīṇāsavo bhikkhu akkhātāraṃ puggalaṃ na maññati. **Akkhātāraṃ** kammavasena kāraṇaṃ veditabbaṃ, akkhātābaṃ kathetabbaṃ puggalaṃ na maññati, na passatīti attho. Kinti akkhātābanti? “Tisso” ti vā “phusso” ti vā evaṃ yena kenaci nāmena vā gottena vā pakāsetabbaṃ. **Taṅhi tassa na hotīti** taṃ tassa khīṇāsavassa na hoti. **Yena naṃ vajjāti** yena naṃ “rāgena ratto” ti vā “dosena duṭṭho” ti vā “mohena mūlho” ti vāti koci vadeyya, taṃ kāraṇaṃ tassa khīṇāsavassa natthi.

Sace vijānāsi vadehīti sace evarūpaṃ khīṇāsavaṃ jānāsi, “jānāmī”ti vadehi. No ce jānāsi, atha “na jānāmī”ti vadehi. **Yakkhāti** devataṃ ālapanto āha. Iti imāya gāthāya sandiṭṭhiko navavidho lokuttaradhammo kathito. **Sādhūti** āyācanatthe nipāto.

Yo maññatīti yo attānaṃ “ahaṃ samo”ti vā “visesī”ti vā “nihīno”ti vā maññati. Etena “seyyohamasmī”tiādayo tayo mānā gahitāva. Tesu gahitesu nava mānā gahitāva honti. **So vivadetha tenāti** so puggalo teneva mānena yena kenaci puggalena saddhim – “kena maṃ tvaṃ pāpuṇāsi, kiṃ jātiyā pāpuṇāsi, udāhu gottena, kulapadesena, vaṇṇapokkharatāya, bāhusaccena, dhutaguṇenā”ti evaṃ vivadeyya. Iti imāyapi upaḍḍhagāthāya kālikā kāmā kathitā.

Tīsu vidhāsūti tīsu mānesu. “Ekavidhena rūpasaṅgaho”tiādīsu (dha. sa. 584) hi koṭṭhāso “vidho”ti vutto. “Kathaṃvidhaṃ sīlavantaṃ vadanti, kathaṃvidhaṃ paññavantaṃ vadantī”tiādīsu (saṃ. ni. 1.95) ākāro. “Tisso imā, bhikkhave, vidhā. Katamā tisso? Seyyohamasmīti vidhā, sadiso hamasmīti vidhā, hīno hamasmīti vidhā”tiādīsu (saṃ. ni. 5.162) māno “vidhā”ti vutto. Idhāpi mānova. Tena vuttaṃ “tīsu vidhāsūti tīsu mānesū”ti. **Avikampamānoti** so puggalo etesu saṅkhepato tīsu, vitthārato navasu mānesu na kampati, na calati. **Samo vasesīti na tassa hotīti** tassa pahīnamānassa khīṇāsavassa “ahaṃ sadiso”ti vā “seyyo”ti vā “hīno”ti vā na hotīti dasseti. Pacchimapadaṃ vuttanayameva. Iti imāyapi upaḍḍhagāthāya navavidho sandiṭṭhiko lokuttaradhammo kathito.

Pahāsi saṅkhanti, “paṭisaṅkhā yoniso āhāraṃ āhāretī”tiādīsu (saṃ. ni. 4.120, 239) paññā “saṅkhā”ti āgatā. “Atthi te koci gaṇako vā muddiko vā saṅkhāyako vā, yo pahoti gaṅgāya vālukaṃ gaṇetu”nti (saṃ. ni. 4.410) ettha gaṇanā. “Saññānidānā hi papañcasaṅkhā”tiādīsu (su. ni. 880) koṭṭhāso. “Yā tesam tesam dhammānaṃ saṅkhā samaññā”ti (dha. sa. 1313-1315) ettha paṇṇatti “saṅkhā”ti āgatā. Idhāpi ayameva adhippetā. **Pahāsi saṅkhanti** padassa hi ayamevattho – ratto duṭṭho mūlho iti imaṃ paṇṇattim khīṇāsavo pahāsi jahi pajahīti.

Na vimānamajjhagāti navabhedam tividhamānaṃ na upagato. Nivāsattṭhena vā mātukucchi “vimāna”nti vuccati, taṃ āyatim paṭisandhivasena na upagacchītipi attho. Anāgatatthe atītavacanaṃ. **Acchecchīti** chindi. **Chinnaganthanti** cattāro ganthe chinditvā ṭhitam. **Anīghanti** niddukkham. **Nirāsanti** nittaṇham. **Pariyesamānāti** olokayamānā. **Nājjhagamunti** na adhigacchanti na vindanti na passanti. Vattamānatthe atītavacanaṃ. **Idha vā huram vāti** idhaloke vā paraloke vā. **Sabbanivesanesūti** tayo bhavā, catasso yoniyo, pañca gatiyo, satta viññāṇaṭṭhitiyo, nava sattāvāsā, iti imesupi sabbesu sattanivesanesu evarūpaṃ khīṇāsavaṃ kāyassa bhedaṃ uppajjamānaṃ vā uppannaṃ vā na passantīti attho. Imāya gāthāya sandiṭṭhikaṃ lokuttaradhammaeva kathesi.

Imaṅca gātham sutvā sāpi devatā atthaṃ sallakkhesi, teneva kāraṇena **imassa khvāham, bhanteti**ādīmāha. Tattha **pāpaṃ na kayirāti** gāthāya dasakusalakammāpathavasena kathetum vaṭṭati aṭṭhaṅgikamaggavasena. Dasakusalakammāpathavasena tāva **vacasāti** catubbidham vacīsucaritaṃ gahitaṃ. **Manasāti** tividham manosucaritaṃ gahitaṃ. **Kāyena vā kiñcana sabbaloketi** tividham kāyasucaritaṃ gahitaṃ. Ime tāva dasakusalakammāpathadhammā honti. **Kāme pahāyāti** iminā pana kāmasukhallikānuyogo paṭikkhitto. **Satimā sampajānoti** iminā

dasakusalakammopathakāraṇaṃ satisampajaññaṃ gahitaṃ. **Dukkhaṃ na sevetha anatthasamhitanti** iminā attakilamathānuyogo paṭisiddho. Iti devatā “ubho ante vivajjetvā kāraṇehi satisampajaññehi saddhiṃ dasakusalakammopathadhamme tumhehi kathite ājānāmi bhagavā”’ti vadati.

Atṭhaṅgikamaggavasena pana ayaṃ nayo – tasmim kira ṭhāne mahatī dhammadesanā ahoṣi. Desanāpariyosāne devatā yathāṭhāne ṭhitāva desanānusārena ñāṇaṃ pesetvā sotāpattiphale patitṭhāya attanā adhigataṃ atṭhaṅgikaṃ maggaṃ dassentī evamāha. Tatha **vacasāti** sammāvācā gahitā, mano pana aṅgaṃ na hotīti **manasāti** maggasampayuttakaṃ cittaṃ gahitaṃ. **Kāyena vā kiñcana sabbaloketi** sammākammanto gahito, ājīvo pana vācākamantapakkhikattā gahitova hoti. **Satimāti** iminā vāyāmasatisamādhayo gahitā. **Sampajānotipadena** sammāditṭhisammāsaṅkappā. **Kāme pahāya, dukkhaṃ na sevethā**tipadadvayena antadvayavajjanaṃ. Iti ime dve ante anupagamma majjhimaṃ paṭipadaṃ tumhehi kathitaṃ, ājānāmi bhagavāti vatvā tathāgataṃ gandhamālādīhi pūjetvā padakkhiṇaṃ katvā pakkāmīti.

Samiddhisuttavaṇṇanā niṭṭhitā.

Nandanavaggo dutiyo.